

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2023

V/v “*Không công nhận là vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thùy
- Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2022 về “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn A. Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B. Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai Ông Nguyễn Văn A trình bày:

Năm 1989, ông và bà B về chung sống vợ chồng với nhau, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, nhưng không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống hai bên không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lời lẽ xúc phạm nhau làm tổn thương đến nhau. Vì thường các con nên ông đã cố gắng chịu đựng nhau để sống. Đến nay các con đã trưởng thành, mâu thuẫn giữa

hai bên thực sự trầm trọng và kéo dài nhiều năm nên ông xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với bà B, ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà B là vợ chồng.

Về con chung: Ông xác định ông và bà B có 03 con chung là Nguyễn Lý A1, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Hà A2, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn A3, sinh năm 1997. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Ngoài ra, Ông Nguyễn Văn A không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 17/10/2022, bị đơn Bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà chung sống như vợ chồng với Ông Nguyễn Văn A vào năm 1989, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống không được hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn như ông A trình bày. Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông A và bà là vợ chồng thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông A có 03 con chung như ông A trình bày là hoàn toàn đúng. Các con đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông A không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, bà B không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Ông A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà B đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử; sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn A, giải quyết không công nhận Ông Nguyễn Văn A và Bà Nguyễn Thị B là vợ chồng. Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông A và bà B chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1989, trên cơ sở tự nguyện. Các bên đều khai nhận vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh việc đăng ký kết hôn của vợ chồng ông A, bà B tại UBND thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả xác minh ông A, bà B không đăng ký kết tại UBND thị trấn Đình Văn. Do hôn nhân của ông A và bà B xác lập sau ngày 03/01/1987 (Ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực thi hành) nhưng các bên không đăng ký kết hôn, nay do mâu thuẫn phát sinh ông A yêu cầu giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà B. Tòa án đã vận động tuy nhiên ông A không đồng ý rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, ông A và bà B đều xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của ông A, tuyên bố không công nhận ông A và bà B là vợ chồng là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Ông A và bà B có 03 con chung là Nguyễn Lý A1, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Hà A2, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn A3, sinh năm 1997. Hiện nay, các con chung của ông A và bà B đều đã trên 18 tuổi, ông A và bà B đều xác định các con khỏe mạnh và phát triển bình thường và không yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Ông A và bà B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] *Về nợ chung*: Các đương sự đều xác định không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Ông A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn A, tuyên bố không công nhận Ông Nguyễn Văn A và Bà Nguyễn Thị B là vợ chồng.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Ông Nguyễn Văn A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0010784 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông Nguyễn Văn A đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/01/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Kiên